



bó jīn

铂金

noun · platinum (metal)

Example Sentence

Zhè tiáo xiàng liàn shì yòng bó jīn zuò de
这条项链是用铂金做的。

This necklace is made of platinum.

Trace each character, then write the word on your own.

铂	铂	铂	铂	铂	铂	铂	铂	铂	铂	铂
铂	铂									
金	金	金	金	金	金	金	金	金	金	金